

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14/3/2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Giúp Đỡ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Til

Ông Nguyễn Quốc Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HN ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Y, xã M, huyện L, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Y, xã M, huyện L, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

Bà và ông Trần Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 1995, đến ngày 2002 thì đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Định Môn, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/10/2002. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, việc mâu thuẫn này kéo dài từ khoảng 10 năm nay do ông T thường xuyên có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mặc dù bà không bắt gặp trực tiếp nhưng do ông T tự chụp ảnh đăng lên mạng nên bà biết được. Ngoài ra, ông T cũng thường xuyên đánh đập, rượt chém bà, đồng thời bà đã nhiều lần báo với chính quyền địa phương và chính quyền địa phương có xuống làm việc, lập biên bản đối với ông T nhưng đến nay ông T vẫn không thay đổi. Do mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Thùy D (nữ), sinh ngày 22/12/1995 và Trần Thanh H (nam), sinh ngày 11/6/2001.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Văn T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà C về quá trình tiến tới hôn nhân. Tuy nhiên, về mâu thuẫn thì ông cho rằng bà C ghen tuông chứ ông không có người phụ nữ nào khác. Còn bà C cho rằng ông đánh đập và rượt chém bà C là không đúng, ông chỉ rượt đuổi trong lúc nóng giận do bà C chửi chứ ông không đánh hay chém bà C. Ông xác định hiện nay ông vẫn còn tình cảm với bà C và mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu bà C cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn nhưng bà C phải trả lại cho ông số tiền mà ông đã bán 02 công đất và 15 triệu tiền Hàn Quốc để lo trả nợ cho bà C do nuôi heo thua lỗ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Thùy D (nữ), sinh ngày 22/12/1995 và Trần Thanh H (nam), sinh ngày 11/6/2001.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T, về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có. Đồng thời bà thừa nhận có mượn 02 công đất của ông T để bán với giá 140.000.000 đồng trả nợ do nuôi heo thua lỗ. Nay ông T yêu cầu trả lại thì bà đồng ý mua 02 công đất để trả lại cho ông T nhưng khi nào bà có tiền và ông T tìm được vị trí đất muốn mua thì bà sẽ mua lại. Đối với số tiền 15 triệu tiền Hàn Quốc thì bà xác định không có mượn số tiền này của ông T.

Bị đơn Trần Văn T xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng chưa trầm trọng và ông còn tình cảm với bà C nên mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tài sản chung ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có. Ngoài ra, ông cho rằng nếu bà C muốn ly hôn thì phải trả lại cho ông 02 công đất và 15 triệu tiền Hàn Quốc thì ông sẽ đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, ông cũng xác định do không muốn ly hôn nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc bà C mượn đất, mượn tiền giữa ông và bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông T và bà C tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2002. Đến nay đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc

nữa nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên toà hôm nay cho thấy: Hôn nhân giữa bà C và ông T là do tự nguyện nên khi về chung sống ông, bà cũng có thời gian hạnh phúc, nhưng sau đó sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến nay bà C xác định không còn tình cảm với ông T nữa, đồng thời ông T cũng thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn và mong muốn được đoàn tụ nhưng đến nay ông cũng không có biện pháp nào để hàn gắn. Ngược lại ông còn đặt điều kiện bà C phải trả lại đất đã bán và tiền mà ông đã đưa cho bà C trong quá trình làm kinh tế gia đình thua lỗ thì ông mới đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy ông T chỉ đặt điều kiện với bà C để có được một khoản tiền khi ly hôn, ông không thật sự mong muốn đoàn tụ với bà C nên Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của ông, bà đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai vì vậy việc bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Trần Thị Thùy D (nữ), sinh ngày 22/12/1995 và Trần Thanh H (nam), sinh ngày 11/6/2001. Do con chung của ông, bà đã trưởng thành nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông T và Cúc đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, nếu sau này có tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Ông T và Cúc đều xác không có nên không xem xét, nếu sau này có tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Đối với yêu cầu của ông T về việc yêu cầu bà C trả lại cho ông 02 công đất và 15 triệu tiền Hàn Quốc nếu bà C muốn ly hôn. Do đây chỉ là điều kiện của ông T đặt ra để ông đồng ý ly hôn, các đương sự không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị C đối với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Trần Thị Thùy D (nữ), sinh ngày 22/12/1995 và Trần Thanh H (nam), sinh ngày 11/6/2001.

3. Về tài sản chung: Ông T và Cúc đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, nếu sau này có tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về nợ chung: Ông T và bà C đều xác định không có nên không xem xét, nếu sau này có tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng, bà C phải chịu. Bà C được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005270 ngày 17/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Giúp Đỡ